TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2017
V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thập.

2. Bà Y Blư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị P, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: 204 Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Bị đơn: Anh T, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: 258 P, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh T tự nguyện kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/7/2015. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên thường xuyên xảy

ra cãi nhau. Anh T không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Bên cạnh đó, anh T còn chơi số đề, cá độ dẫn đến nợ nần. Tôi đã 01 lần gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 8/2016 đến nay. Tôi cảm thấy không còn tình cảm với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là V, sinh ngày 16/5/2016. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Bị đơn anh T đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình không đến tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị P và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum vào ngày 29/7/2015 theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hôn nhân hợp pháp. Đây là vụ án "ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, đơn khởi kiện của chị P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét thấy sau khi kết hôn, chị P và anh T chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh T không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, chơi số đề, cá độ dẫn đến nợ nần. Chị P đã nhiều lần khuyên nhủ chồng và từng gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng anh T không thay đổi mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, chị P khẳng định không còn tình cảm, thương yêu gì với anh T nên tha thiết xin được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh T đã thực sự trầm trọng, dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2016 đến nay. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng thời gian qua không có hạnh phúc, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị P và anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung là do một mình chị P chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện cháu V đã có cuộc sống ổn định với mẹ. Bên cạnh

đó, cháu V còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), lại là con gái, rất cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, giao con chung là V, sinh ngày 16/5/2016 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, do không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với bị đơn anh T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Như vậy, anh T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" của chị P, đơn đề ngày 21/3/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao con chung là V, sinh ngày 16/5/2016 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 6, 18, 19, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị P phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0008128 ngày 29/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Chị P đã nộp đủ án phí.

Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08-8-2017), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS.TP KonTum;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Toàn